TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2024/DS-PT
Ngày 04-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 212/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 328/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1973, có mặt;

2. Ông Nguyễn Võ Anh H1, sinh năm 1992, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Võ Anh T1, sinh năm 1999, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số F, đường L, tổ C, khu phố H, phường T, thành phố T,

tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Võ Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 có vay tiền của bà T cụ thể:

+ Ngày 07/7/2021, bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ A H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 vay số tiền 2.600.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền do bà H viết, có chữ ký và lăn tay của bà H, bà T1 và ông H1 là bên mượn tiền. Hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận với nhau bằng miệng lãi suất 01%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng.

- Ngày 16/7/2021, bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ A H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền do bà H viết, có chữ ký của bà H, bà T1 và ông H1 là bên mượn tiền. Hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận với nhau bằng miệng lãi suất 01%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng.

- Ngày 24/7/2021, ông Nguyễn Võ Anh H1 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận với nhau bằng miệng lãi suất 01%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng, ông H1 tự viết và ký tên để xác nhận nợ.

- Ngày 10/11/2021, bà Võ Ngọc H vay số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và thỏa thuận với nhau bằng miệng lãi suất 01%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng, bà H tự viết và ký tên để xác nhận nợ.

- Ngày 25/5/2022, bà Võ Ngọc H vay số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền do bà H viết, có chữ ký xác nhận bên mượn tiền của bà H, hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không tính lãi.

- Ngày 24/11/2022, bà Võ Ngọc H vay số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền do bà H viết, có chữ ký xác nhận bên mượn tiền của bà H, hợp đồng không thỏa thuận thời hạn trả nợ và không tính lãi.

Tất các các khoản vay trên không thế chấp tài sản gì, bà T nhiều lần yêu cầu bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 trả nợ nhưng bà H, ông H1, bà T1 cố tình tránh né kéo dài thời gian không trả. Đến ngày 24/7/2023, bà T có thư yêu cầu thanh toán gửi cho bà H, ông H1, bà T1 thanh toán toàn bộ số nợ và lãi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 24/7/2023, tức đến ngày 12/5/2023 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, tổng số tiền là

7.100.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà H, bà T1, ông H1 không trả cho bà T bất cứ số tiền nào.

Do đó, bà Nguyễn Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Yêu cầu bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 liên đới trả số tiền vay ngày 07/7/2021 là 2.600.000.000 đồng; ngày 16/7/2021 là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 (là ngày hết thời hạn thông báo trả nợ) đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

+ Yêu cầu bà Võ Ngọc H trả số tiền vay ngày 22/5/2022 là 700.000.000 đồng; số tiền vay ngày 24/11/2022 là 1.100.000.000 đồng; số tiền vay ngày 10/11/2021 là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 (là ngày hết thời hạn thông báo trả nợ) đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

+ Yêu cầu ông Nguyễn Võ Anh H1 trả số tiền vay ngày 24/7/2021 là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 (là ngày hết thời hạn thông báo trả nợ) đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng cho mượn tiền ngày 07/7/2021; Hợp đồng cho mượn tiền ngày 16/7/2021; Hợp đồng cho mượn tiền ngày 24/11/2022; Hợp đồng cho mượn tiền ngày 22/5/2022; Thư yêu cầu thanh toán ngày 27/4/2023; phiếu báo phát; căn cước công dân bà T.

- Bị đơn bà Võ Ngọc H trình bày:

Bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 là mẹ con, bà H và nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T có quan hệ quen biết làm ăn với nhau từ lâu.

Bà Võ Ngọc H xác định ngày 07/7/2021 và ngày 16/7/2021 có ký và ghi rõ họ tên của mình vào hợp đồng cho mượn tiền để xác nhận cùng hai con là ông Nguyễn Võ A H1 và bà Nguyễn Võ A Trúc để vay của bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền ngày 07/7/2021 là 2.600.000.000 đồng; ngày 16/7/2021 là 1.000.000.000 đồng. Hợp đồng vay là do bà H viết và toàn bộ số tiền vay này bà H đã nhận đủ từ bà T, các con của bà H là bà T1, ông H1 ký tên nhưng không nhận tiền từ bà T.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Nguyễn Võ Anh H1 vay của bà T ngày 24/7/2021 là bà H nhờ con trai đứng ra vay giùm, bà H trực tiếp nhận số tiền này từ bà T.

Ngày 10/11/2021, bà H có viết để xác nhận vay của T số tiền 600.000.000 đồng, số tiền này bà H xác định đã nhận đủ của bà T.

Ngày 22/5/2022 và ngày 24/11/2022, bà H có viết hợp đồng cho mượn tiền để vay của bà T số tiền cụ thể: số tiền vay ngày 22/5/2022 là 700.000.000

đồng; số tiền vay ngày 24/11/2022 là 1.100.000.000 đồng. Bà H xác định đó là tiền lãi của toàn bộ số tiền vay là 4.300.000.000 đồng, bà T cộng lại rồi ép buộc bà H viết và ký xác nhận đó là tiền vay.

Bà H xác định đến hiện nay số tiền gốc bà H còn nợ bà T là 4.300.000.000 đồng, của các ngày vay cụ thể là: ngày 07/7/2021 là 2.600.000.000 đồng; ngày 16/7/2021 là 1.000.000.000 đồng; ngày 10/11/2021 là 600.000.000 đồng; ngày 24/7/2021 là 100.000.000 đồng.

Sau khi ký các hợp đồng vay tiền của bà T thì bà H làm ăn gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh nên khi bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ thì bà H không có khả năng trả nợ.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T thì bà H có ý kiến như sau: bà H nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 4.300.000.000 đồng thay luôn phần của các con là ông H1 và bà T1 cộng với số tiền lãi theo yêu cầu của bà T là 0,83%/tháng trên số tiền nợ này. Đối với số tiền vay ngày 22/5/2022 là 700.000.000 đồng; ngày 24/11/2022 là 1.100.000.000 đồng yêu cầu bà T bỏ cho bà H để bà H có khả năng trả các khoản nợ trên.

Bà H xác định không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

- Bị đơn ông Nguyễn Võ Anh H1 trình bày:

Ông Nguyễn Võ Anh H1 xác định ngày 07/7/2021 và ngày 16/7/2021 có ký và ghi rõ họ tên của mình vào hợp đồng cho mượn tiền để xác nhận cùng với mẹ là bà Võ Ngọc H và em gái là bà Nguyễn Võ Anh T1 để vay của bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền 2.600.000.000 đồng vào ngày 07/7/2021; số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 16/7/2021. Ngày 24/7/2021, ông H1 có tự mình viết để xác nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi ký các hợp đồng vay tiền trên xong thì việc giao nhận tiền và thanh toán tiền hàng tháng gốc và lãi như thế nào là do bà H với bà T tự giải quyết với nhau, ông H1 không biết gì. Ông H1 xác định chỉ ký xác nhận với danh nghĩa là con của bà Võ Ngọc H, còn toàn bộ số tiền vay là do bà T giao cho mẹ là bà H nhận, ông H1 không nhận bất cứ số tiền nào từ bà T hay từ bà H.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T thì ông H1 có ý kiến như sau: Do ông H1 chỉ ký xác nhận nhưng thực tế không nhận bất cứ số tiền nào từ bà T hay từ bà H. Toàn bộ số tiền vay đều do bà H nhận từ bà T nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay theo các hợp đồng do ông H1 đã ký.

Ông H1 xác định không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì trong vụ án.

- Bị đơn bà Nguyễn Võ Anh T1 trình bày:

Bà Nguyễn Võ Anh T1 xác định ngày 07/7/2021 và ngày 16/7/2021 có chữ ký, lăn tay và ghi rõ họ tên của mình vào hợp đồng cho mượn tiền để xác nhận cùng với mẹ là bà Võ Ngọc H và anh trai là ông Nguyễn Võ Anh H1 để vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T số tiền ngày 07/7/2021 là 2.600.000.000 đồng; ngày 16/7/2021 là 1.000.000.000 đồng. Sau khi ký hai hợp

đồng xong thì việc thanh toán tiền hàng tháng gốc và lãi như thế nào là do bà H với bà T tự giải quyết với nhau, bà T1 không biết gì. Bà T1 xác định chỉ ký, lăn tay xác nhận với danh nghĩa là con của bà Võ Ngọc H, còn toàn bộ số tiền vay là do bà T giao cho mẹ là bà H nhận, bà T1 không nhận bất cứ số tiền nào từ bà T hay từ bà H.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T thì bà T1 có ý kiến như sau: do bà T1 chỉ ký, lăn tay xác nhận nhưng thực tế không nhận bất cứ số tiền nào từ bà T hay từ bà H. Toàn bộ số tiền vay đều do mẹ là bà H nhận từ bà T nên bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay theo hai hợp đồng do bà T1 đã ký.

Bà T1 xác định không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T đối với bị đơn bà Võ Ngọc H, bà Nguyễn Võ Anh T1, ông Nguyễn Võ Anh H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Võ Ngọc H, ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Anh T1 liên đới trả số tiền vay ngày 07/7/2021 là 2.600.000.000 đồng; ngày 16/7/2021 là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 đến ngày 12/3/2024 là 298.800.000 đồng. Tổng là 3.898.800.000 đồng (ba tỷ tám trăm chín mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Võ Ngọc H trả số tiền vay ngày 22/5/2022 là 700.000.000 đồng; ngày 24/11/2022 là 1.100.000.000 đồng và ngày 10/11/2021 là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 đến ngày 12/3/2024 là 199.200.000 đồng. Tổng là 2.599.200.000 đồng (hai tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Võ Anh H1 trả số tiền vay ngày 24/7/2021 là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/5/2023 đến ngày 12/3/2024 là 8.300.000 đồng. Tổng là 108.300.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2024, bị đơn bà H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà H cho rằng số tiền 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 22/5/2022 và ngày 24/11/2022 là tiền lãi của số tiền 4.300.000.0000 đồng, bà H không có mượn số tiền trên nên không đồng ý trả; bà H cung cấp file ghi âm để chứng minh, bà H xác định file ghi âm do bà tự ghi, bà T không biết và không xác định rõ thời gian ghi âm. Đồng thời, bà H yêu cầu xem xét để bà H trả số tiền

4.300.000.000 đồng cùng lãi suất vì ông H1, bà T1 không liên quan đến số tiền vay trên.

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 22/5/2022 và ngày 24/11/2022 là tiền vay, không đồng ý để bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đối với số tiền của ông H1 vay cũng như số tiền bà H, ông H1 và bà T1 cùng vay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bà H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 1.800.000.000 đồng theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 22/5/2022 và ngày 24/11/2022. Bà H thừa nhận có ký tên vào 02 hợp đồng vay này nhưng cho rằng đây là tiền lãi chứ không phải số tiền vay, do bà H không có tiền đóng lãi nên bị nguyên đơn bà T ép buộc bà H ký xác định là tiền vay. Xét thấy, đến thời điểm xét xử phúc thẩm, hồ sơ không thể hiện bất kỳ tài liệu nào chứng minh cho trình bày của bà H đây là số tiền lãi, không phải tiền vay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho bà T số tiền 1.800.000.000 đồng và lãi suất là phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ.

Các bị đơn đều thừa nhận có ký vay tiền của nguyên đơn T nhưng xác định chỉ bà H có trách nhiệm trả, yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà T1 và ông H1 cùng liên đới trả số nợ 3.600.000.000 đồng cho nguyên đơn, do cả 03 người cùng ký nhận số nợ này. Buộc ông H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng do ông H1 ký nhận nợ và buộc bà H có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền vay 2.400.000.000 đồng do bà H ký nhận là có căn cứ. Bà H kháng cáo đề nghị xác định số tiền 1.800.000.000 đồng là tiền lãi, không phải tiền vay nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Võ Anh H1 và bà Nguyễn Võ Thanh T2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà T2 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các bị đơn thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình gồm hợp đồng cho mượn tiền ngày 07/7/2021 với số tiền 2.600.000.000 đồng; hợp đồng cho mượn tiền ngày 16/7/2021 với số tiền 1.000.000.000 đồng; xác nhận mượn

số tiền ngày 24/7/2021 với số tiền 100.000.000 đồng và ngày 10/11/2021 với số tiền 600.000.000 đồng được ghi tại mặt phía sau của hợp đồng cho mượn tiền ngày 16/7/2021; hợp đồng cho mượn tiền ngày 22/5/2022 với số tiền 700.000.000 đồng; hợp đồng cho mượn tiền ngày 24/11/2022 với số tiền 1.100.000.000 đồng, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H cho rằng tất cả số tiền vay theo các chứng cứ nêu trên là tiền bà H mượn, không liên quan đến ông H1 và bà T2 nên bà H nhận trách nhiệm trả nợ cùng lãi suất cho bà T theo các hợp đồng cho mượn tiền ngày 07/7/2021, ngày 16/7/2021, ngày 24/7/2021 và ngày 10/11/2021. Đối với số tiền vay 700.000.000 đồng ngày 22/5/2022 và số tiền 1.100.000.000 đồng ngày 24/11/2022, bà H cho rằng đây là số tiền lãi của số tiền 4.300.000.000 đồng nên bà H không đồng ý trả cho nguyên đơn bà T.

[3] Căn cứ vào chứng cứ là hợp đồng cho mượn tiền ngày 07/7/2021 và ngày 16/7/2021 thì bà H, bà T2 và ông H1 ký, ghi họ tên vào mục bên mượn tiền với tổng số tiền là 3.600.000.000 đồng; xác nhận mượn số tiền ngày 24/7/2021 với số tiền 100.000.000 đồng là của ông H1. Bà H cho rằng số tiền theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 07/7/2021; ngày 16/7/2021 và xác nhận mượn số tiền ngày 24/7/2021 trên do bà H nhận, ông H1 và bà T2 chỉ ký chứ không nhận tiền nên trách nhiệm cá nhân bà H chịu trách nhiệm trả nợ mà không phải tuyên trách nhiệm liên đới. Xét, bà H cho rằng bà H chịu trách nhiệm cá nhân với số tiền theo 03 chứng cứ trên, tuy nhiên hợp đồng vay tiền ngày 07/7/2021 và ngày 16/7/2021 thì bà H, bà T2 và ông H1 ký, ghi họ tên bên mượn tiền nên xác lập giao dịch vay giữa bà T với bà H, bà T2 và ông H1 và xác nhận mượn nợ ngày 24/7/2021 là của cá nhân ông H1. Bà T không đồng ý để cá nhân bà H chịu trách nhiệm trả nợ đối với các khoản nợ trên nên bà H cho rằng cá nhân bà H chịu trách nhiệm trả nợ là không có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, bà T2 và ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho bà T đối với số tiền 3.600.000.000 đồng cùng lãi suất số tiền trên và buộc cá nhân ông H1 chịu trách nhiệm trả nợ với số tiền vay 100.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đới với số tiền số tiền vay 700.000.000 đồng ngày 22/5/2022 và 1.100.000.000 đồng ngày 24/11/2022. Bà H cho rằng đây là số tiền lãi của số tiền 4.300.000.000 đồng, tuy nhiên bà T không thừa nhận. Bà H xuất trình chứng cứ là file ghi âm để chứng minh. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật quy định: *"Tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó"*. Đối chiếu quy định trên thì chứng cứ là file ghi âm của bà H không được thu thập theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, file ghi âm trên không được xem là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, nội dung ghi âm không có bất kỳ nội

dung nào liên quan đến số tiền vay 700.000.000 đồng ngày 22/5/2022 và số tiền 1.100.000.000 đồng ngày 24/11/2022. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nghĩa vụ trả nợ vay của bà H cho bà T đối với số tiền trên cùng lãi suất chậm trả là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Ngọc H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Võ Thị H2 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0002360 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết